

*B, ngày 30 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Võ Thị Mỹ N**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Anh **Võ Văn N2**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Mỹ N và anh Võ Văn N2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Võ Thị Mỹ N và anh Võ Văn N2 có 01 con chung tên Võ Ngọc Hồng N3, sinh ngày 02/10/2017. Chị Võ Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc Hồng N3, sinh ngày 02/10/2017.

Anh Võ Văn N2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị Mỹ N 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự có hiệu lực pháp luật (30/6/2020) cho đến khi cháu Võ Ngọc Hồng N3 thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Võ Văn N2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị Võ Thị Mỹ N nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Võ Văn N2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Thời gian con chung Võ Ngọc Hồng N3 chưa tròn 18 tuổi, anh N2 được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, chị N được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000605 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Võ Thị Mỹ N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Văn N2 phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T (Số 64 ngày 10/10/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Trần Văn Tuấn**

